

VAI TRÒ CỦA KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH HÀ TĨNH

Nguyễn Thăng Long*, Trần Việt Tiên**

Sau 8 năm thành lập, Khu kinh tế Vũng Áng (KKTVA) đã từng bước khẳng định vai trò động lực thúc đẩy phát triển toàn diện kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, đời sống của nhân dân được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra cần phải được quan tâm, nhất là việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực, vấn đề đời sống văn hóa - xã hội, việc làm cho người lao động. Bài viết đi sâu phân tích, đánh giá thành quả đã đạt được trong quá trình xây dựng và phát triển KKTVA, những vấn đề đang đặt ra hiện nay, đồng thời kiến nghị một số giải pháp để đẩy mạnh phát triển KKTVA gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), đảm bảo tốt các vấn đề an sinh xã hội.

Từ khóa: Khu kinh tế Vũng Áng, Tỉnh Hà Tĩnh, Phát triển kinh tế - xã hội

1. Đặt vấn đề

Khu kinh tế Vũng Áng (KKTVA) được thành lập, với tổng diện tích quy hoạch là 22.781 ha, nằm trên toàn bộ diện tích của 9 xã thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Thủ tướng Chính phủ, 2006). Đây là một trong 5 khu kinh tế ven biển trọng điểm của cả nước, có tiềm năng đầu tư kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó trọng tâm là dịch vụ cảng biển, công nghiệp luyện kim, các ngành công nghiệp gắn với việc khai thác cảng biển. Phát triển KKTVA là cơ hội để Hà Tĩnh chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế - xã hội, tạo việc làm cho người lao động, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân. Tuy nhiên, để KKTVA phát triển toàn diện và hiệu quả, vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra cần phải quan tâm giải quyết. Bài viết này, trên cơ sở các tài liệu điều tra, khảo sát thu thập được từ khi thành lập KKTVA đến nay, chỉ ra những kết quả đạt được, thực trạng và dự báo các vấn đề phát sinh, xu hướng tích cực và các vấn đề cần quan tâm.

2. Vai trò của Khu kinh tế Vũng Áng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

2.1. Nhiều dự án trọng điểm được triển khai làm tăng năng lực sản xuất

Hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu được xác định. Theo báo cáo số 391/BC-UBND, ngày 20/9/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2007-2012, tỉnh đã triển khai 106 dự án quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) hỗ trợ tái định cư, xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn KKTVA với tổng mức đầu tư 8.557 tỷ đồng. Giai đoạn 2013 - 2015 tập trung GPMB, xây dựng các

công trình thiết yếu, các khu tái định cư trọng điểm, các tuyến đường trục chính kết nối trung tâm đô thị, các khu chức năng, hệ thống cấp điện, nước, xử lý nước thải, với tổng mức vốn đầu tư 15.000 tỷ đồng. Riêng tổ hợp cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương cần vốn đầu tư 50.000 tỷ đồng.

Về tiến độ các dự án trọng điểm, các dự án lớn có tầm ảnh hưởng đến tốc độ thu hút đầu tư tại KKTVA. Tính đến nay, trên địa bàn KKTVA đã có hơn 305 doanh nghiệp trong và ngoài nước triển khai đầu tư, sản xuất kinh doanh với tổng số vốn đăng ký hơn 16 tỷ USD (Hồ Anh Tuấn, 2014); Công tác giải phóng mặt bằng đã được triển khai tích cực, hiện nay đã có 7/8 khu Tái định cư hoàn thành.

Hiện đang có nhiều dự án quy mô lớn được triển khai tại Khu kinh tế Vũng Áng như: Cụm cảng biển nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương với quy hoạch 59 cầu cảng, đã triển khai xây dựng 18 cầu cảng, trong đó có 5 cầu cảng đã hoàn thành đưa vào khai thác. Hệ thống dịch vụ cảng cũng đang ngày càng phát triển, bao gồm vận chuyển xăng dầu, khí hoá lỏng, dịch vụ hậu cần, xếp dỡ hàng hoá, máy móc thiết bị.

Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I, công suất 1.200 MW, được khởi công xây dựng năm 2009, đến ngày 17/12/2013, Tổ máy số 1 (600 MW) đã chính thức phát điện thành công lên lưới điện quốc gia, dự kiến sẽ vận hành thương mại vào tháng 6/2014 và Tổ máy số 2 vào tháng 12/2014, góp thêm 8 tỷ kw giờ điện hàng năm cho điện lưới quốc gia; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II: Đã phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở công nhân, đang tiến hành các thủ tục còn lại để chuẩn bị triển khai dự án.

Dự án Khu Liên hợp gang thép của Tập đoàn

Formosa tại Khu kinh tế Vũng Áng có công suất giai đoạn 1 là 7,5 triệu tấn, vốn đầu tư 10 tỷ USD (giai đoạn 2 nâng công suất lên 22 triệu tấn và vốn đầu tư tăng thêm 16 tỷ USD). Trong giai đoạn 2014 - 2017, Dự án sẽ hoàn thành từng hạng mục và đi vào hoạt động.

Hệ thống cấp nước khu kinh tế Vũng Áng có tổng mức đầu tư 4.415.380 triệu đồng, bao gồm:

- Trạm bơm cấp 1: Khối lượng thi công ước đạt 93%;
- Trạm bơm cấp 2: Khối lượng thi công ước đạt 73,6%;
- Bể chứa: Khối lượng thi công ước đạt 97%;
- Bể hợp khối: Khối lượng thi công ước đạt được 52,3%;
- Nhà hóa chất: Khối lượng thi công ước đạt 83%;
- Tuyến ống D600 cấp nước cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng: Khối lượng thi công lắp đặt tuyến ống ước đạt 93%.

Bên cạnh đó, nhiều dự án hạ tầng quan trọng khác, nhất là về giao thông, dịch vụ sẽ là điều kiện thuận lợi tạo nên hiệu ứng cho các ngành công nghiệp, dịch vụ phụ trợ phát triển, là cơ hội, điều kiện và môi trường thuận lợi để phát triển các loại hình doanh nghiệp với đa dạng các sản phẩm (Ban quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, 2013a).

Việc triển khai các các dự án lớn bao gồm nhiều nhà máy, nhiều ngành, lĩnh vực này đã tạo đà để thu hút các Nhà đầu tư khác vào đầu tư những nhà máy vệ tinh, các loại hình dịch vụ đi theo nó; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong toàn tỉnh cũng chuyển hướng đầu tư sản xuất kinh doanh những ngành, lĩnh vực nhằm cung ứng dịch vụ cho KKTVA, tăng năng lực sản xuất.

2.2. Sự phát triển của KKTVA có tác động tích cực tới đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp phụ trợ

Với sự phát triển liên tục trong những năm vừa qua, KKTVA đã có mặt doanh nghiệp trong nước và nhiều nước lớn trên thế giới như: Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ... hiện nay đã có 38 dự án FDI, 44 dự án đầu tư trong nước, cùng với đó là sự hiện diện của các dây chuyền công nghệ hiện đại. Các doanh nghiệp Hà Tĩnh nói riêng và trong nước nói chung có cơ hội tiếp thu phương thức tổ chức, quản lý, sản xuất, áp dụng công nghệ hiện đại. Điển hình tại KKTVA, đã có mặt Tập đoàn FORMOSA (Đài Loan) đã đầu tư dự án Khu liên hợp gang thép, lọc hóa dầu và cảng nước sâu Sơn Dương với tổng đầu tư giai đoạn 1 của dự án lên tới 7,9 tỷ USD, giai đoạn 2, đầu tư thêm hơn 8 tỷ USD, áp dụng công nghệ hiện đại bậc nhất thế giới.

Sự phát triển của KKTVA và sự có mặt của nhiều doanh nghiệp nước ngoài thì một số lượng không nhỏ các công nghệ tiên tiến đã được chuyển giao và ứng dụng trong nhiều ngành công nghiệp. Sự có mặt của các doanh nghiệp FDI chính là tác nhân thúc đẩy cạnh tranh, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ theo hướng liên kết, từ đó tạo nên sự phát triển toàn diện trên các lĩnh vực.

2.3. Khu kinh tế Vũng Áng đã tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế trên địa bàn toàn tỉnh Hà Tĩnh

Với những tiềm năng, lợi thế kể trên, KKTVA thực sự trở thành nơi hấp dẫn thu hút đầu tư phát triển đa ngành, đa lĩnh vực; nhiều nguồn vốn đầu tư trong nước và ngoài nước thực sự đã có cơ hội tìm được địa điểm đầu tư thuận lợi. Năm 2011, doanh thu tại KKTVA đạt 32.575 tỷ đồng (tăng 321% so với năm 2010), kim ngạch xuất khẩu đạt 798 tỷ (tăng 65%); nhập khẩu 44.100 tỷ đồng (tăng 178%); nộp ngân sách 1.303 tỷ đồng (tăng 357%). Năm 2012, doanh thu của các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Vũng Áng đạt 5.061 tỷ đồng, giá trị xuất khẩu đạt 1.097 tỷ đồng, nộp ngân sách từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 240 tỷ đồng, thuế nhà thầu đạt 1.000 tỷ đồng, thu ngân sách từ Khu kinh tế đạt 1.700 tỷ đồng (Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, 2012).

Do đó, trên phạm vi ảnh hưởng toàn tỉnh Hà Tĩnh, KKTVA đã thúc đẩy hoạt động sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, tạo ra tăng trưởng kinh tế nhanh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh hơn theo hướng tăng tỷ trọng sản xuất công nghiệp và kéo theo tăng trưởng của dịch vụ, mà trước hết là các loại hình dịch vụ gắn với sản xuất công nghiệp cùng với sự giảm dần của nông nghiệp về tỷ trọng GDP. Giai đoạn 2011-2013, kinh tế tăng trưởng nhanh, phát triển theo hướng bền vững, có sự thay đổi về chất. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2011-2013 đạt 14,8%, trong đó năm 2011 đạt 11,68%, năm 2012 đạt 13,44%, năm 2013 đạt 19,2%; GDP bình quân đầu người năm 2013 đạt 24 triệu đồng. Mục tiêu tái cơ cấu nền kinh tế bước đầu đạt kết quả tốt, tiếp tục chuyển đổi mô hình kinh tế theo hướng phát triển chiều sâu. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực, lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ chiếm 81,71%; lĩnh vực nông nghiệp chỉ còn 18,29% trong cơ cấu GDP của tỉnh. Như vậy, Hà Tĩnh thuộc nhóm tỉnh có tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu nguồn thu ngân sách có chuyển biến tích cực, trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chiếm 85,6% tổng thu ngân sách (Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, 2013).

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng nhanh, giai đoạn 2011-2013 đạt 12.485 tỷ đồng, tăng 2,4

lần so với giai đoạn 2006-2010; năm 2013 ước đạt trên 5.500 tỷ đồng; trong đó, thu ngân sách nội địa đạt 4.500 tỷ đồng, tăng 58,5% kế hoạch Trung ương giao, tăng 7,9% so với kế hoạch Hội đồng Nhân dân Tỉnh giao, tăng 47,2% so với năm 2012; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 1.000 tỷ đồng, bằng kế hoạch Trung ương và Tỉnh giao, tăng 2% so với năm 2012. Hà Tĩnh thuộc nhóm tỉnh có tốc độ tăng thu ngân sách cao, hoàn thành kế hoạch từ tháng 9 năm 2013. Cơ cấu nguồn thu ngân sách có chuyển biến tích cực, trong đó thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chiếm 85,6% tổng thu ngân sách. Năm 2013, thu ngân sách từ Khu kinh tế đạt trên 3000 tỷ đồng.

Trên cơ sở chiều hướng phát triển tích cực đó, Hà Tĩnh được phê duyệt quy hoạch tổng thể với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2011- 2020 đạt 18,4%/năm, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 đạt 15,8%/năm và giai đoạn 2016- 2020 đạt 21,1%/năm. Đến năm 2020, tỷ trọng nông nghiệp chiếm 13,1%, công nghiệp chiếm 54,7% và dịch vụ chiếm 32,2%; GDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt 35 triệu đồng vào năm 2015 và đạt 97,7 triệu đồng vào năm 2020; phần đầu kim ngạch xuất khẩu đến năm 2015 đạt 8.043 tỷ đồng và đến năm 2020 đạt khoảng 42.000 tỷ đồng (Thủ tướng Chính phủ, 2012).

2.4. Chuyển dịch cơ cấu dân số, lao động, việc làm theo hướng tích cực

2.4.1. Về dân số

Quy mô dân số trong phạm vi quy hoạch phát triển KKTVA (không kể dân số tại khu vực thị trấn Kỳ Anh) được dự báo trên cơ sở dự báo về nhu cầu lao động làm việc trong khu kinh tế. Trong đó dự

báo khoảng 80% lao động làm việc trong các cơ sở sản xuất, dịch vụ trong khu kinh tế định cư tại các khu đô thị trong KKTVA, khoảng 20% định cư tại các khu vực lân cận.

Tổng quy mô dân số chính thức của khu kinh tế được dự báo như sau:

- Đến năm 2015: khoảng 90.000 người;
- Đến năm 2025: khoảng 157.000 người;
- Đến giai đoạn định hình, hoàn thiện các khu chức năng chính: Khoảng 297.000 người.

Ngoài dân số chính thức sinh sống và làm việc tại khu kinh tế, còn có các thành phần dân số khác như: Sinh viên nội trú, lực lượng vũ trang, khách vãng lai, lao động đến trong ngày từ các khu vực lân cận (lao động con lấc)... Các thành phần dân số này được dự báo tăng dần cùng với mức độ hoàn thiện của hệ thống giao thông liên đô thị trong vùng và bằng khoảng 10 - 20% dân số chính thức của Khu kinh tế.

2.4.2. Về lao động:

Phát triển KKTVA, đồng nghĩa với việc hình thành và phát triển mạnh mẽ thị trường lao động, từng bước hình thành thị trường lao động trình độ cao, cạnh tranh và quan hệ cung - cầu lao động ở khu vực này tất yếu sẽ diễn ra, tạo động lực để không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ tay nghề.

Theo Ban quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, đến tháng 7/2013, tổng số lao động trong các doanh nghiệp, dự án, nhà thầu tại KKTVA là 13.468 người. Trong đó, lao động làm việc tại các doanh nghiệp, nhà đầu tư là 6089 người với 2.512 người làm cho các doanh nghiệp trong nước và 3.577 người làm

Bảng 1: Hiện trạng và dự báo dân số

TT	Hạng mục	Hiện trạng 2005	Quy hoạch		
			2015	2025	Định hình
	Tổng dân số, kể cả các thành phần dân số khác (người)		99.000	180.000	330.000
1	Tổng dân số chính thức (người)	42.800	90.000	157.000	297.000
	Tỷ lệ tăng trung bình, %/năm	1,5	7,7	5,7	
	+ tỷ lệ tăng tự nhiên, %/năm	1,5	1,3	1,3	
	+ tỷ lệ tăng cơ học do nhập cư, %/năm		6,4	4,4	
2	Dân số khác (Sinh viên nội trú, lực lượng vũ trang, khách vãng lai, lao động con lấc. 10% - 20% dân số chính thức)		9.000	23.000	43.000

Nguồn: Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, 2010.

cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Số lao động đó, mới đáp ứng 55,6% nhu cầu lao động qua khảo sát từ các doanh nghiệp. Lao động làm việc cho các nhà thầu thi công các dự án hiện nay là 7.417 người, trong đó lao động làm việc cho các nhà thầu thi công dự án trong nước là 3.701 người và lao động làm việc cho các nhà thầu thi công dự án FDI là 3.716 người. Có 831 người lao động nước ngoài, với 274 người đã được cấp phép; số còn lại là làm việc dưới 3 tháng (Ban quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, 2013b).

Theo dự báo, KKTVA sẽ có khoảng 49.000 lao động vào năm 2015; 89.000 người vào năm 2025 và 167.000 người trong giai đoạn định hình.

2.5. Tác động đến vấn đề văn hóa, giáo dục, y tế có liên quan đến người lao động

Sự tác động đối với phát triển kinh tế của khu KKTVA cũng thực chất là tác động đến phát triển văn hóa - xã hội, nhằm hướng tới mục tiêu là nâng cao phúc lợi xã hội cho con người. Trong xu thế hiện nay tại KKTVA, đội ngũ người lao động đang phát triển nhanh cả về số lượng, song chất lượng

chưa cao, các điều kiện sinh hoạt, làm việc của người lao động còn nhiều bất cập, nhất là còn thiếu nhà ở, trường học phổ thông, dạy nghề, thiết chế văn hóa, vui chơi, giải trí...

Từ tình hình đó, thực sự đã đặt ra yêu cầu xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội để đảm bảo nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn kỹ thuật và trình độ hiểu biết pháp luật của người lao động. Cần phải xây dựng hệ thống bệnh viện, trạm y tế, nhà văn hóa, sân chơi, bãi tập, các công trình tôn giáo, các nhu cầu giải trí khác cho chính bản thân người lao động và gia đình của người lao động,... nhất là phải đáp ứng tốt các vấn đề về an sinh xã hội cho 49.000 lao động đến năm 2015 và 89.000 lao động đến năm 2025. Thực hiện các nhiệm vụ này cũng chính là xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi để thu hút ngày càng nhiều các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

3. Những vấn đề cần quan tâm trong thời gian tới

3.1. Về xây dựng kết cấu hạ tầng KKTVA và tập trung thu hút đầu tư

Để KKTVA phát triển ngang tầm yêu cầu nhiệm

Bảng 2: Dự báo lao động trong Khu kinh tế

		2015	2025	Định hình
A	Dân số trong tuổi LĐ (người)	59.000	110.000	211.000
	Tỷ lệ % so với dân số	65	70	71
	Tổng LĐ làm việc trong các ngành kinh tế (1000 người)	49.000	89.000	167.000
	Tỷ lệ % so với LĐ trong độ tuổi	83	81	79
	<i>Phân theo ngành:</i>			
1.1	LĐ nông nghiệp, thủy sản (1000 người)	11.000	2.000	1.000
	Tỷ lệ % so với LĐ làm việc	22,4	2,2	0,6
1.2	LĐ CN, TTCN, XD (1000 người)	19.000	52.000	93.000
	Tỷ lệ % so với LĐ làm việc	38,8	58,4	55,7
1.3	LĐ dịch vụ, thương mại, HCSN (1000 người)	19.000	35.000	73.000
	Tỷ lệ % so với LĐ làm việc	38,8	39,3	43,7
	Nội trợ, mất sức, học sinh trong tuổi LĐ (1000 người)	7.000	18.000	38.000
	Tỷ lệ % so với LĐ trong độ tuổi	12	16	18
	Thất nghiệp (1000 người)	3.000	3.000	6.000
	Tỷ lệ % so với LĐ trong độ tuổi	5	3	3
B	Tổng dân số (người)	90.000	157.000	297.000

Nguồn: Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, 2010.

vụ, trở thành động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội Hà Tĩnh “cát cánh”. Vấn đề cần phải quan tâm hàng đầu đó là tập trung huy động các nguồn vốn ODA, FDI, ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ và các doanh nghiệp để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật và hạ tầng xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, thông tin liên lạc, điện, hệ thống cấp nước sạch phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt, nhà ở công nhân, các cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, vui chơi giải trí, các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng... đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn cả về số lượng và chất lượng. Để tiếp tục thu hút được ngày càng nhiều các Nhà đầu tư, cần đặc biệt quan tâm phát triển các dịch vụ về tài chính, tín dụng, ngân hàng, các dịch vụ về vay vốn, trao đổi, chuyển phát ngoại hối...

Trong quá trình thu hút đầu tư, không thu hút bằng mọi giá nhằm đạt tăng trưởng nhanh về quy mô, số lượng. Phải lấy hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp của Dự án làm thước đo hiệu quả thu hút đầu tư; thu hút dự án phát triển theo chiều sâu, có công nghệ mới, tạo ra sản phẩm hàng hóa và dịch vụ có giá trị tăng cao; ưu tiên công nghiệp chế biến, tận dụng tiềm năng lợi thế và nguyên liệu địa phương; xúc tiến thu hút những ngành nghề, lĩnh vực KKTVA đang gặp khó khăn về vốn hoặc có lợi thế cạnh tranh như: Các dự án công nghiệp nặng liên quan đến sử dụng cảng biển nước sâu; các dự án công nghiệp phụ trợ và dịch vụ công nghiệp hậu thép, chế tạo và lắp ráp phụ tùng ô tô; xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng công nghiệp, đô thị; hệ thống cấp nước sạch, nước sản xuất; xây dựng và kinh doanh nhà ở cho công nhân và người lao động; ưu tiên dự án đầu tư của các Tập đoàn quốc tế để tiếp cận công nghệ và kinh nghiệm quản lý; khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tỉnh đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ phụ trợ. Đồng thời, tăng cường quản lý chất lượng và hiệu quả đầu tư, bảo vệ môi trường, hướng tới sự phát triển bền vững.

3.2. Cải thiện mạnh mẽ về môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là các nước Châu Á như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan

Đổi mới, đa dạng hóa các hoạt động xúc tiến đầu tư theo hướng: Tăng cường phối hợp với các cơ quan, tổ chức, Bộ Kế hoạch và đầu tư, các trung tâm xúc tiến đầu tư, Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, các văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam để tổ chức hội nghị, hội thảo, hội nghị xúc tiến đầu tư; chủ động tìm các nhà đầu tư để tranh thủ vận động đầu tư vào KKTVA; đa dạng hóa các hoạt động, các hình thức xúc tiến đầu tư theo lĩnh vực, địa bàn và đối tượng.

Thường xuyên quan tâm tạo mối quan hệ thân thiện với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

Tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với các doanh nghiệp để trao đổi, nắm bắt thông tin, phát hiện và xử lý các khó khăn, vướng mắc; thảo luận với các doanh nghiệp về các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để biết được các chỉ số: Chỉ số chi phí gia nhập thị trường, chỉ số tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất, chỉ số thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước, chi phí không chính thức, chỉ số tính năng động sáng tạo của lãnh đạo tỉnh, chỉ số chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân,... để quan tâm cải thiện tốt hơn về môi trường đầu tư.

3.3. Quan tâm đúng mức đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các doanh nghiệp trong KKTVA

Vấn đề thiếu nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao là một vấn đề đang thách thức sự phát triển của KKTVA. Cần triển khai ngay các chương trình đào tạo, liên kết đào tạo trong và ngoài nước và hỗ trợ đào tạo cho người dân địa phương; đồng thời nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách thu hút lao động có tay nghề cao, người tài về làm việc tại KKTVA; đào tạo nghề phải xuất phát từ yêu cầu của thị trường lao động, thích ứng với nhu cầu của doanh nghiệp, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của KKTVA.

Việc quan tâm đúng mức đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các doanh nghiệp trong KKTVA là một yêu cầu cấp bách vì công tác đào tạo là yếu tố quyết định đến thành công của công tác đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ KKTVA, đặc biệt là nguồn lao động chất lượng cao. Đây là một trong những công tác nhằm thực hiện đảm bảo phát triển bền vững cho các KKTVA nói riêng mà cho toàn xã hội, đặc biệt trong giai đoạn sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tri thức, kinh tế công nghiệp đòi hỏi người lao động phải bắt kịp được với sự phát triển của khoa học kỹ thuật.

3.4. Cần phải quan tâm điều kiện sống, làm việc cho công nhân trong KKTVA

Vấn đề đáng quan tâm là phải nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn kỹ thuật và trình độ hiểu biết pháp luật của người lao động; giải quyết tốt vấn đề học tập, thu nhập, đời sống của người lao động trong KKTVA. Vì vậy, cần xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn tại KKTVA để đảm bảo quyền lợi của người lao động bao gồm: Chính sách về tuyển dụng và phát triển nhân lực, chính sách thu nhập của người lao động, chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách về thị trường lao động, chính sách về an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, chính sách về nhà ở, chính sách về quan hệ lao động, về y tế và chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, về văn hóa thể thao, về cư trú... Các chính sách này phải đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán, minh bạch, khoa học, khả

thi, ổn định tương đối và phải mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, nhằm mục tiêu bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động trong KKTVA.

3.5. Phát triển KKTVA phải gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế- xã hội của tỉnh Hà Tĩnh theo hướng CNH, HĐH phải đặc biệt quan tâm tới yêu cầu bảo vệ môi trường và giữ vững an ninh - quốc phòng

Việc phát triển KKTVA phải lấy hiệu quả kinh tế- xã hội làm tiêu chuẩn cao nhất và bảo đảm phát triển bền vững; phát triển KKTVA phải hướng tới hiện đại; đảm bảo sử dụng một cách có hiệu quả quỹ đất, mặt nước và không gian của KKTVA, phải hướng đến khu chức năng nông cốt, chủ đạo và gắn kết chặt chẽ với phát triển vùng; cần quan tâm phát triển

các khu dịch vụ, thương mại vệ tinh cung cấp nguyên vật liệu cho KKTVA.

Quy hoạch, phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề công nghiệp, ngành thương mại- dịch vụ; ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh phải hướng đến giải quyết các nhu cầu tại KKTVA, nhằm khai thác tối đa, hiệu quả tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương trên địa bàn toàn tỉnh, tạo nên sự phát triển toàn diện, đồng đều, bền vững.

Vấn đề bảo vệ môi trường, kết hợp phát triển kinh tế- xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng- an ninh phải được thể hiện ngay trong việc quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển KKTVA. □

Tài liệu tham khảo:

- Ban quản lý Khu kinh tế Vũng Áng (2013a), “Báo cáo số 166-BC/KKTVA”, về tình hình nhiệm vụ năm 2012, kế hoạch năm 2013, ngày 15 tháng 12 năm 2013.
- Ban quản lý Khu kinh tế Vũng Áng (2013b), “Báo cáo số 89”, về tình hình sử dụng lao động, tiền lương, thu nhập, nhà ở của người lao động và tình hình giải quyết tranh chấp lao động của các doanh nghiệp trong KKTVA, ngày 12 tháng 7 năm 2013.
- Hồ Anh Tuấn (2014), *Vũng Áng phấn đấu trở thành khu kinh tế hàng đầu của cả nước*, tạp chí Hà Tĩnh - Người làm báo, số 286, ngày 17 tháng 01 năm 2014, trang 15.
- Thủ tướng Chính Phủ (2006), “Quyết định số 72-QĐ-TTg”, về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Khu kinh tế Vũng Áng, ban hành ngày 03 tháng 4 năm 2006.
- Thủ tướng Chính phủ (2012), “Quyết định số 1786-QĐ-TTg”, phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050, ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2012.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2010), “Quyết định số 222/QĐ-UBND”, về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, ban hành ngày 22 tháng 01 năm 2010.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2012), “Báo cáo số 391”, về rà soát quy hoạch và hoạt động các Khu công nghiệp và Khu kinh tế Vũng Áng, ban hành ngày 20 tháng 9 năm 2012.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2013), “Báo cáo số 468”, về tình hình kinh tế - xã hội năm 2013, triển khai nhiệm vụ năm 2014, ban hành ngày 6 tháng 12 năm 2013.

The role of Vung Ang economic zone in economic and social development in Ha Tinh province

Abstract

Vung Ang economic zone, since its establishment 8 years ago, has contributed greatly to the economic and social development in Ha Tinh province. However, there are still some issues that need to be addressed. This paper analyzes and discusses the results from the process of constructing and developing Vung Ang economic zone; then suggests several solutions in order to encourage the development of this economic zone and secure social welfare.

Thông tin tác giả:

* **Nguyễn Thăng Long**, Thạc sỹ, Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học kinh tế quốc dân.

- Cơ quan công tác: Thị ủy Thị xã Hồng Lĩnh - tỉnh Hà Tĩnh.

Email: thanglong367@gmail.com

** **Trần Việt Tiến**, Phó giáo sư, Tiến sĩ

- Nơi công tác: Trường đại học Kinh tế quốc dân.

Email: tientv@neu.edu.vn